

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp Đạt/ Không đạt. Việc đánh giá được thực hiện cho từng hạng mục hàng hóa của gói thầu.

Các tiêu chí tổng quát bao gồm:

| TT | Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------|--|--|---|
| | | Đạt | Không đạt |
| Cột 1 | Cột 2 | Cột 3 | Cột 4 |
| 1 | Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa | Hàng hóa chào thầu đáp ứng đầy đủ các thông số kỹ thuật tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II.2-Yêu cầu thông số kỹ thuật, có tài liệu chứng minh tính đáp ứng. | <ul style="list-style-type: none"> - Không chào Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu tại Chương V, Mục B.II.2-Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc; - Một trong các thông số kỹ thuật không đáp ứng theo yêu cầu tại Bảng yêu cầu thông số kỹ thuật tại Chương V, Mục B.II.2-Yêu cầu thông số kỹ thuật, hoặc; - Một số thông số kỹ thuật chào thiếu sau khi đã được làm rõ bổ sung nhưng nhà thầu không bổ sung hoặc sau khi làm rõ nhưng không đáp ứng, hoặc; - Không có tài liệu chứng minh tính đáp ứng sau khi đã được yêu cầu làm rõ. |
| 2 | Về tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá: | | |
| 2.1 | Biên bản thử nghiệm | Có biên bản thử nghiệm đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.4.2 Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB cho hàng hóa có cùng chủng loại, nhà sản xuất với hàng hóa chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục B.I.4.3-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa và có đầy đủ các hạng mục thử nghiệm, đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II.1-Các yêu cầu chi tiết của E-HSMT. | <ul style="list-style-type: none"> Biên bản thử nghiệm không đáp ứng quy định tại chương V, mục B.I.4.2 Yêu cầu về biên bản thử nghiệm đối với VTTB sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ, hoặc; Không có biên bản thử nghiệm được nêu tại Chương V, mục B.I.4.3-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa hoặc có nhưng có hạng mục thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu được nêu tại Chương V, mục B.II.1-Các yêu cầu chi |

| | | | |
|-----|--|---|---|
| | | | <i>tiết của E-HSMT sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.</i> |
| 2.2 | <i>Xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng (chỉ chấp nhận các văn bản xác nhận từ ngày 01/01/2021 trở về sau</i> | <p><i>- Có ít nhất 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá có cùng chủng loại, nhà sản xuất, nước sản xuất với hàng hoá chào thầu được yêu cầu tại Chương V, mục B.I.4.3-Danh mục các tài liệu chứng minh nguồn gốc và chất lượng hàng hóa đã vận hành ổn định, đạt yêu cầu trong thời gian tối thiểu 24 tháng trên lưới điện Việt Nam.</i></p> <p><i>Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 9 của NĐ24/2024/NĐ-CP thì nhà thầu phải cung cấp ít nhất 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá do bên chuyển giao công nghệ sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu 24 tháng.</i></p> | <p><i>- Có ít hơn 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau đáp ứng theo yêu cầu sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.</i></p> <p><i>Đối với hàng hoá sản xuất trong nước theo chuyển giao công nghệ không phải cung cấp xác nhận vận hành theo quy định tại Điều 9 của NĐ24/2024/NĐ-CP nhưng nhà thầu cung cấp ít hơn 02 giấy xác nhận của các đơn vị sử dụng cuối cùng khác nhau chứng minh hàng hoá do bên chuyển giao công nghệ sản xuất, vận hành thành công trên lưới điện trong thời gian tối thiểu 24 tháng sau khi đã được yêu cầu bổ sung, làm rõ.</i></p> |
| 2.3 | <i>Năng lực của nhà sản xuất máy biến áp phụ tải</i> | <i>Tính đến thời điểm đóng thầu, nhà sản xuất hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải có dây chuyền sản xuất máy biến áp phụ tải (chỉ yêu cầu cho hạng mục sản xuất lõi từ (tole silic hoặc tole amorphous, ...) và quấn dây, lò ủ) đã đưa vào vận hành. Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh bằng kê khai máy móc hoặc các hợp đồng mua bán máy biến áp phụ tải đã thực hiện của nhà sản xuất.</i> | <i>Tính đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh nhà sản xuất có dây chuyền sản xuất đã đưa vào vận hành, hoặc các hợp đồng mua bán máy biến áp phụ tải đã thực hiện của nhà sản xuất.</i> |
| 3 | <i>Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiến độ các điều kiện thương mại</i> | | |
| 3.1 | <i>Các điều kiện thương mại</i> | <i>Không có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương</i> | <i>Có những đề xuất khác biệt so với yêu cầu nêu trong ĐKC và ĐKCT của hợp đồng trong E-HSMT về điều kiện thanh toán, thời gian giao hàng, thời gian thực hiện</i> |

| | | | |
|-----|--|--|--|
| | | <i>V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.</i> | <i>dịch vụ (chi tiết như quy định tại Chương V của E-HSMT), các yêu cầu về bảo hành, phạt do vi phạm hợp đồng hoặc các điều kiện khác gây hạn chế đối với quyền hạn và lợi ích của Chủ đầu tư.</i> |
| 3.2 | <i>Quyền sở hữu trí tuệ</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết về việc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm cung cấp. - Có cam kết miễn trừ trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại, chi phí phát sinh (nếu có) cho bên mua trong trường hợp có khiếu nại của bên thứ ba về quyền sở hữu trí tuệ đối với hàng hóa do bên bán cung cấp. | <i>Không có cam kết, hoặc không bổ sung cam kết sau khi được yêu cầu bổ sung, làm rõ.</i> |
| 4 | <i>Kết quả thực hiện Hợp đồng, chất lượng hàng hóa</i> | | |
| 4.1 | <i>Kết quả thực hiện hợp đồng</i> | <i>Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có < 03 hợp đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiến độ do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</i> | <i>Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu, Nhà thầu có ≥ 03 hợp đồng vi phạm trong số các nội dung sau: chất lượng, bảo hành, bị phạt tiến độ do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</i> |
| 4.2 | <i>Chất lượng hàng hoá</i> | <i>Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu, không có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC (*) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</i> | <i>Từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm đóng thầu, có hàng hoá chào thầu có chất lượng không đảm bảo, bị EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</i> |
| 5 | <i>Phương án kỹ thuật thay thế</i> | <i>Nhà thầu chào một (01) phương án về kỹ thuật (một mã hiệu hàng hóa, một nhà sản xuất, một nước sản xuất) cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) trong mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp.</i> | <i>- Nhà thầu chào hơn một (01) phương án về kỹ thuật (một mã hiệu hàng hóa, một nhà sản xuất, một nước sản xuất) cho bất kỳ một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) trong mỗi danh mục hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp.</i> |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | <p><i>Lưu ý:</i> <i>Trường hợp nhà thầu chào nhiều nước sản xuất khác nhau thì thực hiện theo quy định tại Mục 15, Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu, nếu vẫn không xác định được một nước sản xuất cụ thể thì nhà thầu sẽ được đánh giá là chào hơn một phương án kỹ thuật.</i></p> |
|--|--|--|--|

Ghi chú:

- Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu sẽ tiến hành kiểm chứng Biên bản thử nghiệm; tài liệu của nhà sản xuất công bố (catalogue,...); xác nhận của đơn vị sử dụng cuối cùng được nhà thầu đính kèm trong E-HSDT. Kết quả kiểm chứng là cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với các yêu cầu của E-HSMT.

- Trong trường hợp E-HSDT có những nội dung sai khác hoặc bỏ sót nội dung không cơ bản so với E-HSMT – phù hợp với điểm a và điểm b khoản 25.2 điều 25 chương I thuộc E-HSMT, Bên mời thầu sẽ thực hiện làm rõ E-HSDT phù hợp với khoản 23.1 điều 23 chương I thuộc E-HSMT:

i) Trường hợp có sự sai khác thông tin giữa các tài liệu do Nhà thầu tuyên bố (là các tài liệu do chính Nhà thầu lập và nộp trong E-HSDT, bao gồm: Bảng thông số kỹ thuật chào thầu; Các bản vẽ, mô tả chỉ dẫn kỹ thuật liên quan; Liệt kê chi tiết VTTB (nếu có)) thì Bên mời thầu sẽ tiến hành làm rõ để đánh giá E-HSDT.

ii) Trường hợp trong các tài liệu do Nhà sản xuất công bố (catalogue, hướng dẫn vận hành) có thông số kỹ thuật, giải pháp kỹ thuật khác với tuyên bố của Nhà thầu và không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì Bên mời thầu sẽ tiến hành làm rõ. Trong trường hợp này, khi làm rõ thì Nhà thầu phải bổ sung các tài liệu hợp lệ của Nhà sản xuất để giải thích, chứng minh các nội dung sai khác này, làm cơ sở để Bên mời thầu đánh giá E-HSDT. Trường hợp khi làm rõ mà Nhà thầu không bổ sung được các tài liệu hợp lệ của Nhà sản xuất giải thích, chứng minh nội dung sai khác thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.

- Đối với Biên bản thử nghiệm của VTTB: phải đầy đủ hạng mục và đáp ứng đầy đủ các nội dung yêu cầu của E-HSMT.

- (*) EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC bao gồm:

| TT | Tên đơn vị | Viết tắt |
|-----------|----------------------------------|-----------------|
| 1 | Tổng công ty Điện lực miền Trung | EVNCPC |
| 2 | Công ty Điện lực Quảng Bình | QBPC |
| 3 | Công ty Điện lực Quảng Trị | QTPC |
| 4 | Công ty Điện lực Huế | HPC |

| TT | Tên đơn vị | Viết tắt |
|-----------|--|-----------------|
| 5 | Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng | DNPC |
| 6 | Công ty Điện lực Quảng Nam | QNaPC |
| 7 | Công ty Điện lực Quảng Ngãi | QNPC |
| 8 | Công ty Điện lực Bình Định | BĐPC |
| 9 | Công ty Điện lực Phú Yên | PYPC |
| 10 | Công ty CP Điện lực Khánh Hòa | KHPC |
| 11 | Công ty Điện lực Gia Lai | GLPC |
| 12 | Công ty Điện lực Kon Tum | KTPC |
| 13 | Công ty Điện lực Đắk Lắk | ĐLPC |
| 14 | Công ty Điện lực Đắk Nông | ĐNoPC |
| 15 | Công ty Tư vấn điện miền Trung | CPCPEC |
| 16 | Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung | ETC |
| 17 | Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung | CPCIT |
| 18 | Ban Quản lý dự án điện nông thôn miền Trung | CPCCREB |
| 19 | Ban Quản lý dự án lưới điện miền Trung | CPCNPMU |
| 20 | Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung | CPSC |
| 21 | Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3 | PC3-INVEST |
| 22 | Trung tâm sản xuất thiết bị đo điện tử Điện lực miền Trung | CPCEMEC |
| 23 | Trung tâm chăm sóc khách hàng Điện lực miền Trung | CPCCC |
| 24 | Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung | CEPC |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính: Đánh giá theo phương pháp giá thấp nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT: Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

Ghi chú về hậu kiểm trước khi trao thầu

- E-HSDT được xếp hạng thứ nhất sẽ được xem xét trao thầu. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình Bên mời thầu sẽ thực hiện việc kiểm tra thực tế năng lực của nhà thầu được dự kiến trao hợp đồng trước khi trao hợp đồng. Kết quả kiểm tra thực tế phải chứng minh được năng lực về kỹ thuật, tài chính của nhà thầu đảm bảo thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT.